**TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN**

**TỔ SỬ - GDCD**

Top of Form

Bottom of Form

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II**

**NĂM HỌC 2019 - 2020**

**MÔN GDCD 12**

**Bài 6: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN**

**I. NỘI DUNG**

**1. Công dân với các quyền tự do cơ bản**

**c) Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân**

**\* K/n:** Chỗ ở của công dân được Nhà nước và mọi người tôn trọng, **không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý**. **Chỉ trong trường hợp được pháp luật cho phép và phải có lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được khám xét chỗ ở của một người.** **Trong trường hợp này thì**việc khám không được tiến hành tùy tiện mà phải tuân theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định

**\* Nội dung:**

Theo quy định của pháp luật, việc cá nhân, tổ chức tự tiện vào chỗ ở của người khác, tự tiện khám chỗ ở của công dân là vi phạm pháp luật.

- Về nguyên tắc, việc cá nhân , tổ chức tự tiện vào chỗ ở của người khác , tự tiện khám chỗ ở của công dân là vi phạm pháp luật .

- Theo quy định của pháp luật, chỉ được phép khám chỗ ở của công dân trong 2 trường hợp, nhưng việc khám không được tiến hành tùy tiện mà phải tuân theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

**+ Trường hợp thứ nhất**, khi có căn cứ để khẳng định chỗ ở, địa điểm của người nào đó có công cụ, phương tiện (ví dụ: gậy gộc, dao, búa, rìu, súng,…) để thực hiện tội phạm hoặc có đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.

**+ Trường hợp thứ hai,** việc khám chỗ ở, địa điểm của người nào đó được tiến hành khi cần bắt người đang bị truy nã hoặc người phạm tội đang lẫn tránh ở đó.

- Khám chỗ ở đúng pháp luật là thực hiện khám trong những trường hợp do pháp luật quy định: chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự mới có quyền ra lệnh khám; người tiến hành khám phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định .

**d) Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thọai, điện tín**

**\* Khái niệm**

Thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.Việc kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín cúa cá nhân được thực hiện trong trường hợp pháp luật quy định và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**\* Nội dung**

- Chỉ có những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ trong những trường hợp cần thiết mới được tiến hành kiểm sóat thư, điện thọai, điện tín của người khác.

- Người nào tự tiện bóc, mở thư, tiêu hủy thư, điện thoại, điện tín của người khác tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**\* Ý nghĩa**

Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thọai, điện tín là điều kiện cần thiết để bảo đảm đời sống riêng tư của mỗi cá nhân trong xã hội. Trên cơ sở quyền này, công dân có một đời sống tinh thần thoải mái mà không ai được tùy tiện xâm phạm tới.

**e) Quyền tự do ngôn luận**

**\* Khái niệm**

   Công dân có quyền tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

**\* Nội dung**

Quyền tự do ngôn luận của công dân được thực hiện bằng các hình thức khác nhau và phạm vi khác nhau :

+   Công dân có thể trực tiếp phát biểu ý kiến nhằm xây dựng cơ quan, trường học, địa phương.

+ Viết bài gửi đăng báo, trong đó bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình về chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước; về xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh; về ủng hộ cái đúng, cái tốt, phê phán và phản đối cái sai, cái xấu trong đời sống xã hội.

+  Công dân có quyền đóng góp ý kiến, kiến nghị với các đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân trong dịp đại biểu tiếp xúc với cử tri cơ sở, hoặc công dân có thể viết thư, gọi điện thoại cho đại biểu Quốc hội trình bày, đề đạt nguyện vọng.

**Trách nhiệm của công dân đối với quyền tự do ngôn luận:** Nói đúng sự thật, phát biểu mang tính xây dựng, văn hóa, văn minh, ...

**\* Ý nghĩa**

Quyền tự do ngôn luận là chuẩn mực của một XH trong đó nhân dân có quyền tự do ,dân chủ, có quyền lực thật sự; là cơ sở , điều kiện để công dân tham gia chủ động, tích cực vào các hoạt động của Nhà nước và xã hội.

**2. Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân**

**b- Trách nhiệm của công dân**

- Học tập, tìm hiểu để nắm được nội dung các quyền tự do cơ bản của mình.

- Phê phán, đấu tranh, tố cáo những việc làm trái pháp luật, vi phạm quyền tự do cơ bản của công dân.

- Tích cực tham gia giúp đỡ cán bộ nhà nước thi hành quyết định bắt người, khám xét trong những trường hợp pháp luật cho phép.

- Rèn luyện nâng cao ý thức pháp luật để sống văn minh, tôn trọng pháp luật, tự giác tuân thủ pháp luật của Nhà nước, tôn trọng quyền tự do cơ bản của người khác

**II. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Công an bắt giam người vì nghi ngờ lấy trộm xe máy là vi phạm quyền nào sau đây?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 2. Đi xe máy vượt đèn đỏ gây thương tích cho người khác là vi phạm quyền nào sau đây?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 3. Giam giữ người quá thời hạn qui định là vi phạm quyền nào sau đây?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 4. Xúc phạm người khác trước mặt nhiều người là vi phạm quyền nào sau đây?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 5. Tự tiện khám chỗ ở của công dân là vi phạm quyền nào sau đây?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 6. Do mâu thuẫn, cãi vã to tiếng rồi chửi nhau, học sinh A nóng giận mất bình tĩnh nên đã ném bình hoa ở lớp vào mặt học sinh B. Học sinh B tránh được nên bình hoa trúng vào đầu học sinh C đang đứng ngoài lên tiếng bênh vực học sinh A.

Hành vi của học sinh A đã vi phạm quyền gì đối với học sinh B.

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Không vi phạm gì.

Câu 7. Xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật bảo đảm cho công dân được hưởng đầy đủ các quyền tự do cơ bản là trách nhiệm của chủ thể nào sau đây?

A. Nhân dân. B. Công dân.

C. Nhà nước. D. Lãnh đạo nhà nước.

Câu 8. Tổ chức và xây dựng bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật để bảo vệ các quyền tự do cơ bản của công dân là trách nhiệm của chủ thể nào sau đây?

A. Nhân dân. B. Công dân.

C. Nhà nước. D. Lãnh đạo nhà nước.

Câu 9. Phải học tập tìm hiểu nội dung các quyền tự do cơ bản để phân biệt hành vi đúng pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật là trách nhiệm của chủ thể nào sau đây?

A. Nhân dân. B. Công dân.

C. Nhà nước. D. Lãnh đạo nhà nước.

Câu 10. Có trách nhiệm phê phán, đấu tranh, tố cáo những việc làm trái pháp luật, vi phạm quyền tự do cơ bản của công dân là trách nhiệm của chủ thể nào sau đây?

A. Nhân dân. B. Công dân.

C. Nhà nước. D. Lãnh đạo nhà nước.

Câu 11. Chọn nhận định đúng về quyền bất khả xâm phạm về thân thể?

A. Trong mọi trường hợp, không ai có thể bị bắt.

B. Công an có thể bắt người nếu nghi là phạm tội.

C. Trong mọi trường hợp, chỉ được bắt người khi có quyết định của toà án.

D. Chỉ được bắt ngưòi khi có lệnh bắt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trừ trường hợp phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

Câu 12. Chọn nhận định đúng về quyền bất khả xâm phạm về thân thể?

A. Công an có thể bắt người vi phạm pháp luật.

B. Chỉ được bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang.

C. Trong mọi trường hợp, chỉ được bắt người khi có lệnh bắt của Toà án hoặc của Viện kiểm soát.

D. Ai cũng có quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

Câu 13. Đặt điều nói xấu người khác là vi phạm quyền nào sau đây?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 14. Đánh người gây thương tích là vi phạm quyền nào sau đây?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 15. Các quyền tự do cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và Luật qui định mối quan hệ cơ bản giữa chủ thể nào sau đây?

A. Công dân với pháp luật.

B. Nhà nước với pháp luật.

C. Nhà nước với công dân.

D. Công dân với Nhà nước và pháp luật.

Câu 16. Nhận định nào sau đây **sai**?

A. Tự tiện bắt và giam giữ người là hành vi trái pháp luật.

B. Bắt và giam giữ người trái pháp luật là xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

C. Không ai được bắt và giam giữ người.

D. Bắt và giam giữ người trái phép sẽ bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

Câu 17. Trường hợp bắt người khẩn cấp tiến hành khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện

A. tội phạm rất nghiêm trọng.

B. tội phạm nghiêm trọng.

C. tội phạm ít nghiêm trọng..

D. tội phạm.

Câu 18. Quyền tự do về thân thể và tinh thần thực chất là quyền

A. được pháp luật bảo hộ sức khỏe và tính mạng..

B. được pháp luật bảo hộ nhân phẩm và danh dự.

C. bất khả xâm phạm về thân thể..

D. được sống và được làm người với tư cách là thành viên của xã hội.

Câu 19. Trong lúc H đang bận việc riêng thì điện thoại có tin nhắn, T đã tự ý mở điện thoại của H ra đọc tin nhắn. Hành vi này của T đã xâm phạm đến quyền nào dưới đây?

A. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự của công dân.

B. Quyền tự do dân chủ của công dân.

C. Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại của công dân.

D. Quyền tự do ngôn luận của công dân.

Câu 20. B và T là bạn thân, học cùng lớp với nhau. Khi giữa hai người nảy sinh mâu thuẫn, T đã tung tin xấu, bịa đặt về B trên facebook. Nếu là bạn học cùng lớp của T và B, em sẽ lựa chọn cách ứng xử nào sau đây cho phù hợp với quy định của pháp luật?

A. Coi như không biết vì đây là việc riêng của T.

B. Khuyên T gỡ bỏ tin vì đã xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác.

C. Khuyên B nói xấu lại T trên facebook.

D. Chia sẻ thông tin đó trên facebook

Câu 21. Trong thời gian gần đây, trên mạng xã hội facebook xuất hiện những clip nhiều nữ sinh đánh bạn học, làm tổn hại nghiêm trọng đến tâm sinh lí của người bị hại là vi phạm nội dung của quyền

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, tính mạng, danh dự và nhân phẩm của công dân.

C. bất khả xâm phạm về sức khỏe, tính mạng, danh dự và nhân phẩm của công dân.

D. được pháp luật bảo đảm về sức khỏe, tính mạng, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, công dân tự tiện mở thư của người khác là vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật

1. thư tín, điện tín.
2. an sinh xã hội.
3. di sản quốc gia.
4. thông tư liên ngành.

Câu 23: Theo quy định của pháp luật, việc khám xét chỗ ở của người nào đó **không** được tiến hành khi đủ căn cứ khẳng định ở đó chỉ có

1. bạo lực gia đình.

B. phương tiện gây án.

C. tội phạm đang lẩn trốn.

D. người đang bị truy nã.

Câu 24: Theo quy định của pháp luật, hành vi nào dưới đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

1. Khống chế tội phạm.
2. Theo dõi nạn nhân.
3. Bắt cóc con tin.
4. Đe dọa giết người.

Câu 25: Hành vi nào dưới đây **không** vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân?

1. Tra tấn tội phạm.
2. Đầu độc nạn nhân.
3. Giải cứu con tin.
4. Đe dọa giết người.

Câu 26: Nghi ngờ vợ mình đang tham gia truyền đạo trái phép tại nhà ông P, anh T đã tự ý xông vào nhà ông P để tìm vợ. Anh T vi phạm quyền nào dưới đây của công dân?

A. Được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm.

B. Được bảo đảm an toàn và bí mật điện thoại, điện tín.

C. Bất khả xâm phạm về thân thể.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở.

Câu 27: Vì chị H thường xuyên bị ông M lãnh đạo cơ quan gây khó khăn nên anh P chồng chị là phóng viên đã viết bài đăng báo xuyên tạc việc ông M sử dụng ngân sách của đơn vị sai mục đích. Ông M nhờ chị T là chủ tịch công đoàn khuyên vợ chồng chị H nên cải chính nội dung bài báo đó nhưng chị H từ chối. Vì thế ông M không cho chị phát biểu ý kiến trong nhiều cuộc họp sau này. Những ai dưới đây vi phạm quyền tự do ngôn luận của công dân?

1. Ông M và chị H.

B. Anh P, ông M và chị T.

C. Anh P và ông M.

D. Anh P, ông M và chị H.

Câu 28: Biết tin anh A chồng mình đang bị anh K là cán bộ lâm nghiệp bắt giam tại một hạt kiểm lâm về tội tổ chức phá rừng trái phép nhưng vì đang nằm viện nên ba ngày sau chị P mới đến thăm chồng. Chứng kiến cảnh anh K đánh đập chồng, chị P đã xúc phạm anh K nên bị đồng nghiệp của anh K là anh M giam vào nhà kho. Hai ngày sau, khi đi công tác về, ông Q là Hạt trưởng hạt kiểm lâm mới biết

chuyện và báo cho cơ quan công an thì chị P mới được thả. Những ai dưới đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

1. Anh K, anh M và anh A.

B. Anh K và anh M.

C. Anh K, anh M và ông Q.

D. Anh M và ông Q.

Câu 29: Phát hiện anh B lấy trộm xe máy, anh T đã bắt trói rồi giải anh B đi khắp làng để cho mọi người cùng biết. Nhằm gây sức ép để anh mình được thả, anh E là em trai của anh B đe dọa đốt nhà anh T. Anh P là sinh viên đã ghi hình toàn bộ sự việc rồi đưa lên mạng xã hội khiến gia đình anh B rất xấu hổ. Những ai dưới đây vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân?

1. Anh T, anh P và anh B.

B. Anh T và anh P.

C. Anh T, anh B và anh E.

D. Anh T và anh E.

Câu 30: Theo quy định của pháp luật, trong những trường hợp cần thiết, việc kiểm soát điện thoại, điện tín của công dân chỉ được tiến hành bởi

1. người có thẩm quyền.

B. cơ quan ngôn luận.

C. phóng viên báo chí.

D. lực lượng bưu chính.

Câu 31: Theo quy định của pháp luật, việc công dân được tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng là thể hiện nội dung quyền

1. được phán quyết.
2. tự do ngôn luận.
3. được phát triển.
4. tự do đàm phán.

Câu 32: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người khác khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

1. Giải cứu nạn nhân.
2. Theo dõi nghi phạm.
3. Điều tra tội phạm.
4. Khống chế con tin.

Câu 33: Hành vi nào dưới đây xâm phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân?

1. Tố cáo người phạm tội.

B. Vây bắt đối tượng bị truy nã.

C. Đánh người gây thương tích.

D. Truy lùng đối tượng gây án.

Câu 34: Nghi ngờ ông A lấy trộm tiền của mình, anh K đã tự ý xông vào nhà ông A để tìm kiếm. Anh H vi phạm quyền nào dưới đây của công dân?

A. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.

B. Được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện tín.

C. Bất khả xâm phạm về thân thể.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở.

Câu 35: Thương con gái mình là chị M bị anh K đánh trọng thương phải nhập viện điều trị một tháng, ông N nhờ anh T đến nhà dọa nạt anh K. Trong lúc hai bên tranh cãi, anh T đẩy anh K ngã gãy tay nên anh T bị ông P bố anh K áp giải đến cơ quan công an. Những ai dưới đây **không** vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe?

1. Anh K và ông P.

B. Anh K và ông N.

C. Chị M, ông N và ông P.

D. Chị M, ông N và anh K.

Câu 36: Trong cuộc họp của công ty, ông B là Tổng giám đốc đã ngắt lời không cho chị N phát biểu phê bình chủ tịch công đoàn. Khi anh A đang trình bày ý kiến ủng hộ quan điểm của chị N thì bị ông H là Phó Tổng giám đốc ra lệnh cho anh M là nhân viên bảo vệ ngoài hội trường buộc anh A phải ra khỏi cuộc họp. Những ai dưới đây vi phạm quyền tự do ngôn luận của công dân?

1. Ông B và ông H.

B. Ông B, ông H và anh M.

C. Ông H và anh M.

D. Ông B, ông H và chị N.

**Bài 7: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN DÂN CHỦ**

**I. NỘI DUNG**

**1. Quyền bầu cử và quyền ứng cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân**

**a) Khái niệm**

Quyền bầu cử và ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực chính trị, thông qua đó , nhân dân thực thi hình thức dân chủ gián tiếp ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước.

**b) Nội dung**

- Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc Hội, Hội đồng nhân dân.

- Công dân được hưởng quyền bầu cử và quyền ứng cử một cách bình đẳng, không bị phân biệt bởi giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ văn hóa, thời hạn cư trú nơi họ thực hiện quyền bầu cử, ứng cử , trừ 1 số người vi phạm pháp luật thuộc trường hợp mà Luật Bầu cử quy định không được thực hiện quyền bầu cử và ứng cử.

**c- Cách thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân:**

­ - Quyền bầu cử của công dân thực hiện theo các nguyên tắc bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

* **­**Phổ thông: 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử, trừ các trường hợp đặc biệt bị pháp luật cấm.
* Bình đẳng: mỗi cử tri đều có một lá phiếu giá trị ngang nhau.
* Trực tiếp: tự do, độc lập thể hiện trực tiếp sự lựa chọn của mình: tự viết phiếu, tự bỏ phiếu.
* Bỏ phiếu kín: bỏ vào hòm kín.

- Quyền ứng cử của công dân được thực hiện theo hai con đường: tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử.

Các công dân đủ 21 tuổi trở lên có năng lực và tín nhiệm với cử tri đều có thể tự ứng cử hoặc được cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội giới thiệu ứng cử (trừ các trường hợp do luật định không được ứng cử).

**d) Ý nghĩa của quyền bầu cử và ứng cử của công dân**

­ - Là cơ sở pháp lý - chính trị quan trọng để hình thành các cơ quan quyền lực nhà nước, để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình, thông qua các đại biểu đại diện cho nhân dân ở trung ương và địa phương do mình bầu ra.

­ - Nhà nước đảm bảo cho công dân thực hiện tốt quyền bầu cử và ứng cử cũng chính là đảm bảo thực hiện quyền công dân, quyền con người trên thực tế.

**2. Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội**

**a) Khái niệm về quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội**

Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội là quyền của công dân tham gia thảo luận vào các công việc chung của đất nước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong phạm vi của cả nước và trong địa phương; quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước về xây dựng bộ máy nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

**b) Nội dung cơ bản của quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội**

**\* Ở phạm vi cả nước:**

**­**Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật quan trọng liên quan quyền và lợi ích cơ bản của mọi công dân như Hiến pháp, Bộ Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, ....

**­**Thảo luận và biểu quyết các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

**\* Ở phạm vi cơ sở:**

- Trực tiếp thực hiện theo cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân làm , dân kiểm tra”:

- Những công việc của xã, phường, thị trấn được chia làm 4 loại:

**­ Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện** (chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước…).

**­ Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp bằng biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín** (ví dụ :chủ trương, mực đóng góp xây dựng công trình phúc lợi công cộng, cơ sở hạ tầng, xây dựng hương ước, quy ước, ...).

**­ Những việc dân được thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định** (ví dụ: dự thảo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, đề án định canh, định cư, tái định cư, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do xã quản lí,...).

**­ Những việc nhân dân ở phường, xã giám sát, kiểm tra** (ví dụ: hoạt động chính quyền xã, phẩm chất đạo đức của cán bộ chủ chốt, dự toán, quyết toán thu chi ngân sách xã, thu, chi các loại quỹ, lệ phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kết quả kiểm tra, thanh tra các vụ tiêu cực ở xã, ...).

**c) Ý nghĩa của quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội**

­ - Là cơ sở pháp lí quan trọng để nhân dân tham gia vào hoạt động của bộ máy Nhà nước, nhằm động viên và phát huy sức mạnh của toàn dân, của toàn xã hội về việc xây dựng bộ máy nhà nước vững mạnh và hoạt động có hiệu quả.

- Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, làm cho đất nước ngày càng phát triển thịnh vượng, văn minh.

**3. Quyền khiếu nại , tố cáo của công dân**

**a) Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân**

**+Quyền khiếu nại** là quyền công dân, cơ quan, tổ chức được đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có **thẩm** **quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng hành vi đó trái pháp luật, xâm phạm quyề , lợi ích của công dân .**

**+Quyền tố cáo** là quyền công dân được phép báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về **hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào** gây thiệt hại hoặc đe doạ đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức .

**b) Nội dung quyền khiếu nại , tố cáo của công dân.**

**\* Người có quyền khiếu nại , tố cáo:**

   Người khiếu nại : cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại.

   Người tố cáo : **Chỉ có công dân** có quyền tố cáo .

**\*Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại , tố cáo**

- Giải quyết khiếu nại là việc xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết của người giải quyết khiếu nại.

- Giải quyết tố cáo là việc xác minh, kết luận về nội dung tố cáo và việc quyết định xử lí của người giải quyết tố cáo.

**- Người giải quyết khiếu nại, tố cáo:** là cơ quan , tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại , tố cáo theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

**\* Cách thực hiện khiếu nại, tố cáo và giải quyết kn-tc**

**+ Quy trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại**:

       Theo 4 bước:

**Bước 1:** Người khiếu nại nộp đơn khiếu nại đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

**Bước 2:** Người giải quyết khiếu nại xem xét, giải quyết khiếu nại theothẩm quyền và trong thời gian do luật định.

**Bước 3:** Nếu người khiếu nại đồng ý với kết quả giải quyết thì quyết định của người giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành.

   Nếu người khiếu nại không đồng ý với kết quả giải quyết thì họ có quyền: hoặc tiếp tục khiếu nại lên người đứng đầu cơ quan hành chính cấp trên của cơ quan đã bị khiếu nại lần đầu; hoặc kiện ra Tòa hành chính thuộc Tòa án nhân dân.

**Bước 4:**   Người giải quyết khiếu nại lần hai xem xét, giải quyết yêu cầu của người khiếu nại.

   Nếu người khiếu nại vẫn không đồng ý với quyết định giải quyết lần hai thì trong thời gian do luật quy định, có quyền khởi kiện ra Tòa hành chính thuộc Tòa án nhân dân.

**+ Quy trình tố cáo và giải quyết tố cáo**

Theo 4 bước:

**Bước 1:** Người tố cáo gửi đơn tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

**Bước 2:** Trong thời hạn luật định, người giải quyết tố cáo phải tiến hành các việc xác minh và phải ra quyết định về giải quyết nội dung tố cáo.

**Bước 3:** Nếu người tố cáo có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật thì người tố cáo có quyền tố cáo với cơ quan cấp trên trực tiếp của Người giải quyết tố cáo.

**Bước 4:** Cơ quan, tổ chức, cá nhân giải quyết tố cáo lần hai có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn luật định.

**c.** **Ý nghĩa của quyền tố cáo, khiếu nại của công dân :**

- Là cơ sở pháp lí để công dân thực hiện một cách có hiệu quả quyền công dân của mình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, ngăn chặn những việc làm trái pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức và công dân.

- Thông qua việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, quyền của công dânđược đảm bảo, làm cho bộ máy nhà nước ngày càng vững mạnh, thực sự là bộ máy của dân, do dân và vì dân.

**4. Trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện các quyền dân chủ của công dân**

**a) Trách nhiệm của công dân:**

Công dân cần chủ động tham gia tích cực vào việc thực hiện các quyền dân chủ của mình ở phạm vi cả nước và trong phạm vi từng địa phương, cơ sở với ý thức của người làm chủ nhà nước và xã hội. Ví dụ như:

- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng trường, lớp, quê hương.

- Chủ động tố cáo những hành vi xâm phạm quyền bầu cử, khiếu nại, tố cáo,...

- Chủ động tham gia thực hiện các quyền dân chủ của mình ...

- Phê phán hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân,

- Tôn trọng quyền dân chủ của người khác.

**II. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1: "Hình thức dân chủ với những qui chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng, của Nhà nước." là hình thức dân chủ

A. trực tiếp. B. gián tiếp.

C. tập trung. D. xã hội chủ nghĩa.

Câu 2: Anh A đề nghị thủ trưởng cơ quan xem xét lại quyết định cho thôi việc của mình. Ta nói anh A đang thực hiện quyền gì?

A. Quyền tố cáo. B. Quyền ứng cử.

C. Quyền bãi nại. D. Quyền khiếu nại.

Câu 3: Hiến pháp 1992 qui định mọi công dân

A. đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử.

B. đủ 21 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử.

C. từ 18 đến 21 tuổi có quyền bầu cử và ứng cử.

D. đủ 18 tuổi có quyền bầu cử, đủ 21 tuổi có quyền ứng cử.

Câu 4: Nhận định nào **sai**: Dân được hưởng quyền bầu cử và ứng cử một cách bình đẳng, không phân biệt

A. giới tính, dân tộc, tôn giáo.

B. tình trạng pháp lý.

C. trình độ văn hoá, nghề nghiệp.

D. thời hạn cư trú nơi thực hiện quyền bầu cử, ứng cử.

Câu 5: Công dân A tham gia góp ý vào dự thảo luật khi Nhà nước trưng cầu dân ý, ta gọi công dân A đã thực hiện quyền dân chủ nào?

A. Quyền ứng cử. C. Quyền kiểm tra, giám sát.

B. Quyền đóng góp ý kiến. D. Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

Câu 6: Nhận định nào **sai**: Khi xác định người không được thực hiện quyền bầu cử?

A. Người đang chấp hành hình phạt tù.

B. Người đang bị tạm giam.

C. Người bị tước quyền bầu cử theo bản án của Toà án.

D. Người mất năng lực hành vi dân sự.

Câu 7: Nguyên tắc nào **không** phải là nguyên tắc bầu cử?

1. Phổ thông. B. Bình đẳng. C. Công khai. D. Trực tiếp.

Câu 8: Quyền ứng cử của công dân có thể thực hiện bằng

A. 1 con đường duy nhất. B. 2 con đường.

C. 3 con đường. D. 4 con đường.

Câu 9: Trên cơ sở chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhân dân trực tiếp quyết định những công việc thiết thực, cụ thể gắn liền với quyền và nghĩa vụ nơi họ sinh sống là việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước ở phạm vi

A. cả nước. B. cơ sở.

C. địa phương. D. cơ sở và địa phương.

Câu 10: Ở phạm vi cơ sở, việc xây dựng các hương ước, quy ước là những việc

A. phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. dân được thảo luận trước khi chính quyền xã, phường quyết định.

D. dân góp ý kiến xây dựng văn bản pháp luật

Câu 11: Ở phạm vi cơ sở, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân là những việc

A. phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định.

D. nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 12: Ở phạm vi cơ sở, các đề án định canh, định cư, giải phóng mặt bằng, tái định cư là những việc

A. phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định.

D. nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 13: Ở phạm vi cơ sở, chủ trương và mức đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi công cộng là những việc

A. phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định.

D. nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 14: Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội là quyền gắn liền với việc thực hiện hình thức dân chủ

A. trực tiếp.

B. gián tiếp.

C. tập trung.

D. xã hội chủ nghĩa.

Câu 14: Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật quan trọng, liên quan đến các quyền và lợi ích cơ bản của công dân là việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước ở phạm vi

A. cả nước. B. cơ sở.

C. địa phương. D. cơ sở và địa phương.

Câu 15: Thảo luận và biểu quyết các các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân là việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước ở phạm vi

A. cả nước. B. cơ sở.

C. địa phương. D. cơ sở và địa phương.

Câu 16: Ở phạm vi cơ sở, xây dựng hương ước, qui ước là những việc

A. phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.

D. nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 17: Ở phạm vi cơ sở, kiểm sát dự toán và quyết toán ngân sách xã, phường là những việc

A. phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.

D. nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra..

Câu 18: Ở phạm vi cơ sở, dự thảo qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của xã, phường là những việc

A. phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. dân bàn và quyết định trực tiếp

C. dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.

D. nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 19: Nhân dân được thảo luận và biểu quyết các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân là thể hiện quyền

1. phê duyệt chủ trương và đường lối.

B. thay đổi kiến trúc thượng tầng.

C. tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

D. nâng cấp đồng bộ hạ tầng cơ sở.

Câu 20: Theo quy định của pháp luật, công dân cần thực hiện quyền tố cáo khi phát hiện người nào đó đang

1. tổ chức truy bắt tội phạm.

B. tham gia hoạt động tôn giáo.

C. kích động biểu tình trái phép.

D. bí mật theo dõi nghi can.

Câu 21: Tại một điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, vì không biết chữ nên cụ T nhờ anh P viết hộ phiếu bầu theo ý của cụ rồi cụ tự tay bỏ phiếu vào hòm phiếu. Cụ T đã thực hiện nguyên tắc bầu cử nào dưới đây?

1. Công khai.
2. Đại diện.
3. Trực tiếp.

D. Gián tiếp.

Câu 22: Ông B viết bài đăng báo bày tỏ quan điểm của mình về việc sử dụng thực phẩm sạch trong chế biến thức ăn. Ông B đã thực hiện quyền nào dưới đây của công dân?

1. Tự do ngôn luận.
2. Xử lí thông tin.
3. Tích cực đàm phán.
4. Quản lí nhà nước.

Câu 23: Tại cuộc họp bàn về việc xây dựng đường liên thôn của xã, chị M không tán thành ý kiến của chị K đề cử chị S làm tổ trưởng tổ giám sát. Tuy nhiên, chị S vẫn được bầu làm tổ trưởng và sau đó giới thiệu người thân của mình vào tổ này nên bị bà Q quyết liệt phản đối. Khi đó, ông N chủ tọa cuộc họp yêu cầu bà Q dừng phát biểu khiến bà bực tức rủ chị M bỏ họp ra về. Những ai dưới đây đã thực hiện

quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội?

1. Chị K, chị M và ông N.

B. Ông N, chị M và chị S.

C. Chị K, chị S, chị M và bà Q.

D. Chị K, bà Q, ông N và chị M.

Câu 24: Anh B là cảnh sát giao thông đề nghị chị A đưa cho anh ba triệu đồng để bỏ qua lỗi chị đã điều khiển xe ô tô vượt quá tốc độ quy định. Vì bị chị A từ chối, anh B đã lập biên bản xử phạt thêm lỗi khác mà chị không vi phạm. Sau đó, chị A phát hiện vợ anh B là chị N đang công tác tại sở X nơi anh D chồng mình làm giám đốc nên chị đã xúi giục chồng điều chuyển công tác chị N. Đúng lúc anh D

vừa nhận của anh K năm mươi triệu đồng nên đã chuyển chị N đến công tác ở vùng khó khăn hơn rồi bổ nhiệm anh K vào vị trí của chị. Những ai dưới đây là đối tượng vừa bị khiếu nại vừa bị tố cáo?

1. Anh B, chị A và anh D.

B. Anh D, chị A và anh K.

C. Anh B và chị A.

D. Anh B và anh D.

Câu 25: Tại một điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, biết cụ Q là người không biết chữ, ông B tổ trưởng tổ bầu cử đã phân công anh T giúp cụ viết phiếu bầu theo ý của cụ. Phát hiện chị H và chồng là anh A bàn bạc, thống nhất rồi cùng viết hai phiếu bầu giống nhau, anh T đề nghị hai người nên thể hiện chính kiến của riêng mình, nhưng chị H vẫn bỏ hai phiếu đó vào hòm phiếu. Những ai dưới đây vi phạm nguyên tắc bầu cử bỏ phiếu kín?

1. Anh T, anh A và chị H.

B. Anh A, chị H, ông B và anh T.

C. Anh A, chị H và ông B.

D. Anh A, chị H và cụ Q.

Câu 26: Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương, công dân đã thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội ở phạm vi

1. cả nước.
2. quốc gia.
3. lãnh thổ.
4. cơ sở.

Câu 27: Theo quy định của pháp luật, công dân cần thực hiện quyền khiếu nại khi nhận được

1. kế hoạch giao kết hợp đồng lao động.

B. phiếu thăm dò ý kiến cá nhân.

C. quyết định buộc thôi việc không rõ lí do.

D. thông báo tuyển dụng nhân sự.

Câu 28: Theo quy định của pháp luật, nguyên tắc nào dưới đây **không** áp dụng khi thực hiện giao kết hợp đồng lao động?

1. Bình đẳng.
2. Trực tiếp.
3. Tự nguyện.
4. Ủy quyền.

Câu 29: Trong ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, vì anh A đang bị tạm giam để điều tra nên nhân viên tổ bầu cử đã mang hòm phiếu phụ đến trại tạm giam và hướng dẫn anh A bỏ phiếu. Anh A đã được thực hiện nguyên tắc bầu cử nào dưới đây?

1. Đại diện.
2. Trực tiếp.
3. Công khai.
4. Ủy quyền.

Câu 30: Thấy vợ mình là chị M bị ông T Giám đốc sở X ra quyết định điều chuyển công tác đến một đơn vị ở xa dù đang nuôi con nhỏ, anh N chồng chị đã thuê anh K chặn xe ô tô công vụ do ông T sử dụng đi đám cưới để đe dọa ông này. Do hoảng sợ, ông T điều khiển xe chạy sai làn đường nên bị anh H cảnh sát giao thông dừng xe, yêu cầu đưa năm triệu đồng để bỏ qua lỗi này. Vì ông T từ chối đưa tiền nên anh H đã lập biên bản xử phạt thêm lỗi khác mà ông T không vi phạm. Những ai dưới đây là đối tượng vừa bị khiếu nại vừa bị tố cáo?

1. Ông T, anh H, anh K và anh N.

B. Ông T, anh H và anh K.

C. Ông T và anh H.

D. Anh H và anh K.

Câu 31: Tại một điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, chị A viết phiếu bầu và bỏ phiếu vào hòm phiếu giúp cụ K là người không biết chữ. Sau đó, chị A phát hiện anh B và anh C cùng bàn bạc, thống nhất viết phiếu bầu giống nhau nên yêu cầu hai người làm lại phiếu bầu. Tuy nhiên, anh B và anh C không đồng ý và mỗi người tự tay bỏ phiếu của mình vào hòm phiếu rồi ra về. Những ai dưới đây vi phạm nguyên tắc bầu cử trực tiếp?

1. Chị A, anh B và anh C.

B. Chị A, cụ K và anh C.

C. Anh B và anh C.

D. Chị A và cụ K.

Câu 32: Trong cuộc họp với đại diện các hộ gia đình, anh D lên tiếng phản đối mức kinh phí đóng góp xây dựng nhà văn hóa do ông A Chủ tịch xã đề xuất nhưng chị K là thư kí cuộc họp không ghi ý kiến của anh D vào biên bản. Khi bà M phát hiện và phê phán việc này, ông A đã ngắt lời, đuổi bà M ra khỏi cuộc họp. Sau đó, chị G là con gái bà M đã viết bài nói xấu ông A trên mạng xã hội. Những ai dưới đây vi phạm quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội của công dân?

1. Ông A và chị K.

B. Ông A, chị K và chị G.

C. Ông A, chị K, chị G và bà M.

D. Ông A và chị G.

**Bài 8: Pháp luật với sự phát triển của công dân.**

**I. NỘI DUNG**

**1. Quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân**

**a) Quyền học tập của công dân**

**\* Khái niệm**

Học tập là một trong các quyền cơ bản của con người. Mọi công dân đều có quyền học từ thấp đến cao, có thể học bất cứ ngành, nghề nào, có thể học bằng nhiều hình thức và có thể học thường xuyên, học suốt đời.

**\* Nội dung**

+ Mọi công dân đều có quyền học không hạn chế: Học từ tiểu học đến trung học   đại học, sau đại học theo quy định của PL về giáo dục thông qua các kì tuyển sinh hoặc xét tuyển

+ Công dân có thể học bất cứ ngành nghề nào phù hợp với năng khiếu, khả năng, sở thích và điều kiện của mình.

+ Công dân có quyền học thường xuyên, học suốt đời: bằng nhiều hình thức khác nhau và các loại hình trường lớp khác nhau

+ Mọi công dân đều được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập: Không phân biệt bởi dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế.

**\* Trách nhiệm của công dân đối với quyền học tập của công dân:**dựa vào khái niệm, triển khai nội dung gắn với bản thân mình.

**b) Quyền sáng tạo của công dân**

**\* Khái niệm**

     Quyền của mỗi người được tự do nghiên cứu khoa học, tự do tìm tòi, suy nghĩ để đưa ra các phát minh, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kĩ thuật, hợp lí hóa sản xuất; quyền về sáng tác văn học, nghệ thuật, khám phá khoa học để tạo ra các sản phẩm, công trình khoa học về các lĩnh vực đời sống xã hội.

**\* Nội dung**

   Quyền sáng tạo của công dân bao gồm quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và hoạt động khoa học, công nghệ.

Công dân có quyền sáng tạo ra các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học , tác phẩm báo chí; các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và tạo ra các sản phẩm mang tính sáng tạo trong hoạt động khoa học, công nghệ.

**\* Trách nhiệm của công dân đối với quyền sáng tạo của công dân:**

- Dựa vào khái niệm, bản thân mình thực hiện đến đâu.

- Ngoài ra, bản thân không được có hành vi xâm phạm quyền của công dân trong hoạt động sáng tạo như: không sao chép nguyên văn, không lưu truyền tác phẩm của người khác, khi cần trích dẫn thì phải xin phép, hoặc phải nêu rõ nguồn, tên tác giả; không công bố thêm hoặc gây hiểu nhầm là của mình sáng tạo ra: ví dụ như đạo văn, đạo nhạc, ... Đây được xem là vi phạm **[quyền tác giả](https://vi.wikipedia.org/wiki/Quy%E1%BB%81n_t%C3%A1c_gi%E1%BA%A3%22%20%5Co%20%22Quy%E1%BB%81n%20t%C3%A1c%20gi%E1%BA%A3)[sở hữu trí tuệ](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%E1%BB%9F_h%E1%BB%AFu_tr%C3%AD_tu%E1%BB%87%22%20%5Co%20%22S%E1%BB%9F%20h%E1%BB%AFu%20tr%C3%AD%20tu%E1%BB%87)**.

**c) Quyền được phát triển của công dân**

**\* Khái niệm**

là quyền của công dân được sống trong môi trường xã hội và tự nhiên có lợi cho sự tồn tại và phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức; có mức sống đầy đủ về vật chất; được học tập, nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, tham gia các họat động văn hóa; đuợc cung cấp thông tin và chăm sóc sức khỏe; được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.

\* **Nội dung**

- Quyền của công dân được hưởng đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ để phát triển toàn diện, phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước.

- Công dân có quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.

**\* Trách nhiệm của công dân đối với quyền phát triển của công dân:**

Ra sức học tập, rèn luyện, hăng say lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học, tự do tìm tòi, suy nghĩ để đưa ra các phát minh, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kĩ thuật, hợp lí hóa sản xuất đem lại hiệu quả cao trong việc sản xuất kinh doanh, góp phần tạo ra của cải vật chất, ...

Không ngừng học hỏi nâng cao hiểu biết, nâng cao trình độ, ...

**2- Ý nghĩa quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân**

- Quyền học tập, sáng tạo và phát triển là quyền cơ bản của công dân, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội ta, là cơ sở, điều kiện cần thiết để con người được phát triển tòan diện, trở thành những công dân tốt đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nhằm đáp ứng và bảo đảm nhu cầu học tập của mỗi người, thực hiện công bằng xã hội công dân, tạo điều kiện để ai cũng được học hành

   **2/ Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân**

**a) Trách nhiệm của Nhà nước**

­ Ban hành chính sách, pháp luật, thực hiện đồng bộ các biện pháp cần thiết để các quyền này thực sự đi vào đời sống của mỗi người dân.

**­**Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện ai cũng được học hành, thông qua chính sách về học phí, học bổng…

­ Nhà nước khuyến khích, phát huy sự tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học. Có chính sách chăm lo điều kiện việc làm, lợi ích vật chất của ngời nghiên cứu; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tác giả đối với các phát minh, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kĩ thuật, các tác phẩm, công trình khoa học, ...

­ Nhà nước bảo đảm những điều kiện để phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

**b) Trách nhiệm của công dân**

­ Có ý thức học tập tốt có kiến thức, xác định được mục đích học tập để trở thành người có ích trong cuộc sống.

­ Có ý chí vươn lên, luôn chịu khó tìm tòi và phát huy tính sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất để tạo ra nhiều sản phẩm vật chất và tinh thần cần thiết cho xã hội.

**II. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng của công dân thuộc nhóm quyền nào dưới đây?

A. Quyền được sáng tạo. B. Quyền được tham gia.

C. Quyền được phát triển. D. Quyền tác giả

Câu 2. Tác phẩm văn học do công dân tạo ra được pháp luật bảo hộ thuộc quyền nào dưới đây của công dân?

A. Quyền tác giả. B. Quyền sở hữu công nghiệp.

C. Quyền phát minh sáng chế. D. Quyền được phát triển.

Câu 3. Quan điểm nào dưới đây **sai** khi nói về quyền học tập của công dân?

A. Quyền học tập không hạn chế.

B. Quyền học bất cứ ngành, nghề nào.

C. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.

D. Quyền học tập khi có sự đồng ý của các cơ quan có thẩm quyền.

Câu 4. Chính sách miễn giảm học phí của Nhà nước ta đã tạo điều kiện giúp đỡ nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn được học tập. Điều này thể hiện

A. công bằng xã hội trong giáo dục. B. bất bình đẳng trong giáo dục.

C. định hướng đổi mới giáo dục. D. chủ trương phát triển giáo dục.

Câu 5. Việc mở trường trung học phổ thông chuyên ở nước ta hiện nay nhằm:

A. bảo đảm tính nhân văn trong giáo dục. B. bảo đảm công bằng trong giáo dục.

C. đào tạo chuyên gia kỹ thuật cho đất nước. D. bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Câu 6. Việc cộng điểm ưu tiên trong tuyển sinh đại học, cao đẳng cho học sinh là người dân tộc thiểu số đã thể hiện quyền bình đẳng về

A. điều kiện chăm sóc về thể chất.

B. điều kiện học tập không hạn chế.

C. điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa.

D. điều kiện hưởng thụ các giá trị văn hóa.

Câu 7. Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục là để

A. tạo điều kiện cho ai cũng được học hành.

B. mọi công dân bình đẳng, nhưng phải có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

C. ưu tiên cho các dân tộc thiểu số.

D. ưu tiên tìm tòi nhân tài, góp phần phụng sự đất nước.

Câu 8. Học bằng nhiều hình thức khác nhau, ở các loại trường khác nhau là

A. quyền học không hạn chế.

B. quyền học bất cứ ngành nghề nào.

C. quyền học thường xuyên, học suốt đời.

D. quyền được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 9. Học các môn khối C để có điều kiện trở thành chiến sĩ công an là

A. quyền học không hạn chế.

B. quyền học bất cứ ngành nghề nào.

C. quyền học thường xuyên, học suốt đời.

D. quyền được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 10: Nhà nước áp dụng các biện pháp cho người có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn ưu đãi để sản xuất, kinh doanh là thực hiện nội dung nào dưới đây của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội?

1. Triệt tiêu cạnh tranh.

B. Xóa đói, giảm nghèo.

C. San bằng thu nhập.

D. Duy trì lạm phát.

Câu 12: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thuộc quyền được phát triển của công dân?

1. Đăng kí sở hữu trí tuệ.

B. Khuyến khích để phát triển tài năng.

C. Nghỉ ngơi, vui chơi giải trí.

D. Hưởng đời sống vật chất đầy đủ.

Câu 13: Trường X thường xuyên bổ sung nhiều loại sách trong thư viện để phục vụ nhu cầu học tập của học sinh. Trường X đã tạo điều kiện để các em hưởng quyền được phát triển ở nội dung nào dưới đây?

1. Bảo trợ quyền tác giả.

B. Được cung cấp thông tin.

C. Nhận chế độ ưu đãi.

D. Hưởng dịch vụ truyền thông.

Câu 14: Vì bị ông N là bố anh K, đối thủ của mình trong một cuộc thi thiết kế thời trang, đe dọa giết nên anh T hoảng sợ buộc phải kí cam kết dừng tất cả những hoạt động liên quan đến lĩnh vực thiết kế. Trong khi đó, anh K đã chủ động đề nghị và được chị S đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng thiết kế mới nhất của chị. Sau đó, anh K tự nhận mình là tác giả rồi gửi thiết kế đó tham dự cuộc thi trên. Những ai dưới đây đã vi phạm quyền sáng tạo của công dân?

1. Anh K và ông N.

B. Anh K, chị S, ông N và anh T.

C. Anh K, ông N và chị S.

D. Anh K và chị S.

Câu 15: Một trong những nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội là

1. bài trừ tệ nạn xã hội.

B. hạn chế cung cấp thông tin.

C. duy trì tỉ lệ lạm phát.

D. thúc đẩy phân hóa giàu - nghèo.

Câu 16: Trường tiểu học X tổ chức khám sức khỏe định kì cho học sinh. Trường tiểu học X đã tạo điều kiện để các em hưởng quyền được phát triển ở nội dung nào dưới đây?

1. Thay đổi loại hình bảo hiểm.

B. Hưởng đời sống vật chất đầy đủ.

C. Lựa chọn dịch vụ y tế.

D. Tiếp nhận nguồn trợ cấp xã hội.

Câu 17: Chị H đã bí mật sao chép bản thiết kế tác phẩm kiến trúc mà anh S mới hoàn thiện rồi dùng tên mình đăng kí quyền tác giả. Sau đó, theo đề nghị của ông K là Giám đốc một công ty, chị H đã đồng ý cho ông K sử dụng bản thiết kế đó để xây dựng khu nghỉ dưỡng của gia đình mình. Vô tình thấy bản thiết kế trong máy tính của chị gái, anh N em trai chị H đã sử dụng để làm đồ án tốt nghiệp và được

hội đồng chấm đồ án đánh giá cao. Những ai dưới đây đã vi phạm quyền sáng tạo của công dân?

1. Chị H và anh N.

B. Chị H, anh N, ông K và anh S.

C. Chị H, anh N và ông K.

D. Chị H và ông K.

Câu 18: Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội **không** được thể hiện ở việc

1. chăm sóc sức khỏe ban đầu.

B. phòng, chống tệ nạn xã hội.

C. công khai tỉ lệ lạm phát.

D. thực hiện xóa đói, giảm nghèo.

Câu 19: Nhà nước áp dụng chính sách chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em là tạo điều kiện để các

em hưởng quyền được

A. giám định. B. tự quyết. C. tham vấn. D. phát triển.

Câu 20: Việc nhà nước cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo là tạo điều kiện để công dân hưởng quyền được phát triển ở nội dung nào dưới đây?

A. Lựa chọn dịch vụ y tế. B. Chăm sóc sức khỏe.

C. Cung cấp thông tin. D. Hưởng cứu trợ xã hội.

**Bài 9: Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước.**

**I. NỘI DUNG**

**1. Đọc thêm SGK**

**2. Một số nội dung cơ bản của phát luật về sự phát triển bền vững của đất nước**

**a) Một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế**

**\* Quyền tự do kinh doanh của công dân**

   Quyền tự do kinh doanh được qui định trong Hiến pháp và các luật về kinh doanh.

   Tự do kinh doanh có nghĩa là mọi công dân khi có đủ điều kiện do pháp luật quy định đều có quyền tiến hành họat động kinh doanh sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận đăng kí kinh doanh.

**+ Quyền tự do kinh doanh được hiểu theo các nội dung sau đây:**

**- Một là**, công dân có quyền tự do lựa chọn và quyết định kinh doanh mặt hàng nào. Ví dụ: sản xuất đồ điện, hàng tiêu dùng, hoặc buôn bán hàng may mặc.

**- Hai là**, công dân có quyền quyết định quy mô kinh doanh lớn hay nhỏ, mức vốn đầu tư nhiều hay ít, địa bàn kinh doanh rộng hay hẹp.

**- Ba là**, công dân có quyền lựa chọn và quyết định hình thức tổ chức kinh doanh. Ví dụ : có thể thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, hoặc có thể không cần thành lập công ty mà chỉ cần đăng ký kinh doanh hình thức cá nhân hoặc hộ gia đình.

**\* Nghĩa vụ của công dân khi thực hiện các họat động kinh doanh**

­ Kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy phép kinh doanh và những ngành, nghề mà pháp luật không cấm;

­ Nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật;

­ Bảo vệ môi trường;

- Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

­ Tuân thủ các quy định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an tòan xã hội v.v…

**c) Một số nội dung cơ bản của pháp luật trong phát triển các lĩnh vực xã hội**

- Về việc làm cho nhân dân: PL khuyến khích các cơ sở kinh doanh tạo ra nhiều việc làm mới cho người lao động

**- Trong việc xóa đói giảm nghèo** : Pháp luật quy định, Nhà nước sử dụng các biện pháp kinh tế - tài chính để thực hiện xóa đói, giảm nghèo với các cách như: tăng vốn xóa đói, giảm nghèo , mở rộng các hình thức trợ giúp người nghèo để sản xuất, kinh doanh ( như chương trình 134, 135 của Chính phủ)

**- Trong lĩnh vực dân số** : Pháp luật có những quy định nhằm kiềm chế sự gia tăng dân số góp phần làm cho kinh tế - xã hội phát triển lành mạnh ( ban hành luật Luật Hôn nhân và gia đình và Pháp lệnh Dân số )

**-** Về chăm sóc sức khỏe cho nhân dân: trách nhiệm thuộc về nhà nước

**- Trong lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội:**pháp luật quy định về đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự, kỉ cương xã hội ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là nạn mại dâm, ma túy; ngăn chặn, đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS, xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh .

Ngoài ra, **chăm sóc sức khỏe nhân dân**: ban hành luật, áp dụng các biện pháp nhằm: giảm tỉ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tuổi thọ, bảo đảm phát triển giống nòi.

**d) Một số nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường.**

- Pháp luật quy định các hoạt động bảo vệ môi trường chủ yếu: bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên ; bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; bảo vệ môi trường đô thị khu dân cư; biển, sông, nguồn nước; quản lí chát thải ; phòng ngừa , ứng phó các sự cố môi trường …

-   Pháp luật nêu rõ trách nhiệm của nhà nước, các tổ chức và mọi công dân trong bảo vệ và phát triển rừng , trừng trị nghiêm khắc các hành vi phá hoại rừng

- Pháp luật nghiêm cấm các hành vi phá hoại khai thác rừng trái phép, các nguồn tài nguyên thiên nhiên , khai thác kinh doanh các loài động –thực vật quý hiếm …

- BVMT là trách nhiệm của Nhà nước, là quyền và trách nhiệm của mỗi công dân.

**e) Một số nội dung cơ bản của pháp luật về quốc phòng, an ninh**

-   Pháp luật quy định củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của tòan dân mà nòng cốt là Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

- Mọi cơ quan tổ chức, công dân có trách nhiệm nghĩa vụ tham gia củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia . Mọi hành vi xâm phạm an ninh quốc gia đều bị xử lí nghiêm minh kịp thời

- Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân. Nhà nước ban hành chế độ nghĩa vụ quân sự , thực hiện giáo dục quốc phòng trong các cơ quan, tổ chức và đối với mọi công dân, tuyên truyền giáo dục bảo vệ ninh quốc gia.

**II. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước được thể hiện

A. trong lĩnh vực văn hóa.

B. chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế.

C. thủ yếu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

D. Trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Câu 2. Trong xu hướng toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện nay và để đảm bảo sự lâu dài, hiệu quả, mỗi quốc gia nên chọn phát triển theo hướng:

A. Năng động. B. Sáng tạo. C. Bền vững. D. Liên tục.

Câu 3. Để thực hiện chiến lược phát triển bền vững đất nước, công cụ, phương tiện được xem là có vai trò nổi bật nhất là

A. văn hóa. B. pháp luật. C. tiền tệ. D. đạo đức.

Câu 4. Pháp luật quy định các mức thuế khác nhau đối với các doanh nghiệp, căn cứ vào

A. uy tín của người đứng đầu doanh nghiệp.

B. ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn kinh doanh.

C. thời gian kinh doanh của doanh nghiệp.

D. khả năng kinh doanh của doanh nghiệp.

Câu 5. Việc đưa ra các quy định về thuế, pháp luật đã tác động đến lĩnh vực nào sau đây?

A. Môi trường. B. Kinh tế.

C. Văn hóa. D. Quốc phòng an ninh.

Câu 6. Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa được xem là

A. điều kiện. B. cơ sở. C. tiền đề. D. động lực.

Câu 7. Luật nghĩa vụ quân sự quy định độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình là bao nhiêu?

A. Từ 18 đến 27 tuổi.

B. Từ 17 tuổi đến 27 tuổi.

C. Từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi.

D. Từ đủ 17 tuổi đến hết 25 tuổi.

Câu 8. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam là trách nhiệm của

A. công dân nam từ 17 tuổi trở lên.

B. công dân nam từ 18 tuổi trở lên.

C. công dân từ 20 tuổi trở lên.

D. mọi công dân Việt Nam.